



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
(REE)**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý II năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

ĐVT: ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,860,481,919	1,408,236,808
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	342,618,407	244,409,919
111	1. Tiền		92,296,007	91,399,269
112	2. Các khoản tương đương tiền		250,322,400	153,010,650
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10	427,243,177	325,383,754
121	1. Đầu tư ngắn hạn		569,474,222	458,186,486
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(142,231,045)	(132,802,732)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		645,515,925	575,146,029
131	1. Phải thu khách hàng		224,185,912	224,871,531
132	2. Trả trước cho người bán		142,118,207	70,385,741
134	3. Phải thu theo tiến độ xây dựng		273,208,207	254,636,381
135	4. Các khoản phải thu khác		14,493,947	33,879,512
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8,490,348)	(8,627,136)
140	IV. Hàng tồn kho	4	429,707,877	242,913,714
141	1. Hàng tồn kho		438,295,026	249,311,699
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8,587,149)	(6,397,985)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15,396,533	20,383,392
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2,519,432	1,742,862
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1,323,905	5,584,789
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		1,291,175	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5	10,262,021	13,055,741
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		1,994,913,760	1,973,709,471
220	I. Tài sản cố định	6	104,543,370	89,628,886
221	1. Tài sản cố định hữu hình		16,629,117	17,872,226
222	- Nguyên giá		42,138,593	41,514,866
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25,509,476)	(23,642,640)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	14,057,131	14,357,143
228	- Nguyên giá		16,139,459	15,848,393
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,082,328)	(1,491,250)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	73,857,122	57,399,517

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

DVT: ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
240	II. Bất động sản đầu tư	9	502,585,791	521,885,876
241	1. Nguyên giá		664,675,338	664,675,337
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(162,089,547)	(142,789,461)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	1,382,498,343	1,356,918,797
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10.1	250,287,434	216,974,461
258	2. Đầu tư dài hạn khác		1,296,197,282	1,313,978,793
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(163,986,373)	(174,034,457)
270	V. Tài sản dài hạn khác		5,286,256	5,275,912
271	1. Chi phí trả trước dài hạn		206,968	289,548
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2,054,743	2,056,818
278	3. Tài sản dài hạn khác		3,024,545	2,929,546
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3,855,395,679	3,381,946,279
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		1,224,635,602	895,044,651
310	I. Nợ ngắn hạn		1,039,344,928	792,310,894
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	95,844,646	148,477,993
312	2. Phải trả người bán		179,957,439	142,259,957
313	3. Người mua trả tiền trước		599,706,331	389,655,601
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	71,179,995	53,253,805
315	5. Phải trả người lao động		54,754	2,265,398
316	6. Chi phí phải trả		-	1,836,395
318	7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng		-	1,722,883
319	8. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13	85,092,733	47,782,142
320	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		6,155,762	3,854,329
323	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,353,267	1,202,391
330	II. Nợ dài hạn		185,290,674	102,733,757
333	1. Phải trả dài hạn khác		65,729,226	63,422,906
334	2. Vay và nợ dài hạn	14	27,591,914	22,666,870
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	15	20,929	16,643,981

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

DVT: ngàn VN Đ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		91,948.605	-
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	2,600,038,078	2,462,171,925
410	I. Vốn chủ sở hữu		2,600,038,078	2,462,171,925
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.782.932.890	810.431.310
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		505.021.907	1.315.439.887
414	3. Cổ phiếu quỹ		(28.913)	(28.913)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		65.302	15.702
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		70.417.784	70.417.784
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		58.217.918	48.528.597
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		183.411.190	217.367.558
500	C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		30.721.999	24.729.703
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3,855,395,679	3,381,946,279



Hồ Trần Diệu Linh
 Kế toán trưởng

Ngày 05 tháng 08 năm 2010



Nguyễn Thị Mai Thanh
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH


B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý II năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

ĐVT: ngàn VND

<i>Mã số</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Quý II năm 2010</i>	<i>Quý II năm 2009</i>
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	388,561,834	330,931,520
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(403,679)	(1,855,923)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	388,158,155	329,075,597
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(260,265,947)	(213,617,311)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		127,892,208	115,458,286
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	21,092,474	45,216,876
22	7. Chi phí tài chính	18	(6,552,205)	102,985,229
23	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Chi phí lãi vay</i>		<i>(1,173,201)</i>	<i>(1,556,183)</i>
24	8. Chi phí bán hàng		(14,284,281)	(11,628,275)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(32,250,794)	(38,597,716)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		95,897,402	213,434,400
31	11. Thu nhập khác	19	1,834,031	2,342,342
32	12. Chi phí khác	19	(196,346)	-
40	13. Lợi nhuận khác		1,637,685	2,342,342
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		97,535,087	215,776,742
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(25,361,946)	(24,980,602)
	<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>		<i>(413,419)</i>	<i>(94,633)</i>
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		72,586,560	190,890,773
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)		439	1,180


 Hồ Trần Diệu Linh
 Kế toán trưởng
 Ngày 05 tháng 08 năm 2010


 Nguyễn Thị Mai Thanh
 Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
06 tháng đầu năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

DVT: ngàn VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY 30/06/2010	TẠI NGÀY 30/06/2009
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		207,103,295	294,872,118
	Điều chỉnh cho các khoản:		-	-
02	Khấu hao tài sản cố định	6.7.9	21.826,192	20.929,245
03	Các khoản dự phòng		1.432,603	(282,731,806)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	130,167
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	17.2	(46,426,846)	111,696,741
06	Chi phí lãi vay	18	3.248,836	4,497,869
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		187,184,080	149,394,334
09	Tăng giảm các khoản phải thu		121,168,645	(557,935)
10	Tăng giảm hàng tồn kho		(227,587,886)	(47,778,656)
11	Tăng giảm các khoản phải trả		192,428,603	199,566,651
12	Tăng chi phí trả trước		208,543	(632,290)
13	Tiền lãi vay đã trả		(3,221,116)	(4,497,869)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22,706,704)	(3,431,043)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6,407,416	1,558,016
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7,944,116)	(429,680)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		245,937,465	293,191,528
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(13,952,065)	(31,937,623)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	2,537
23	Tiền chi cho vay		(775,875,812)	-
24	Tiền thu hồi cho vay của các đơn vị khác		740,958,586	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(126,567,513)	(510,265,560)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		44,866,261	184,654,691
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34,447,494	27,275,960

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
06 tháng đầu năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

DVT: ngàn VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	TẠI NGÀY 30/06/2010	TẠI NGÀY 30/06/2009
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(96,123,049)	(330,269,995)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		6,234,000	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		109,153,530	87,610,064
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(166,993,458)	(103,071,796)
36	Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1,943)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(51,605,928)	(15,463,675)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		98,208,488	(52,542,142)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		244,409,919	359,042,809
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>342,618,407</u>	<u>306,500,667</u>



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám Đốc

Ngày 05 tháng 08 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty đã được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Nhóm Công ty thông qua công ty mẹ, các công ty con, công ty đồng kiểm soát có các hoạt động chính là thiết kế, sản xuất và lắp đặt các hệ thống điều hòa không khí, thiết bị máy tính, thiết bị viễn thông và đồ điện gia dụng, sở hữu và cho thuê cao ốc văn phòng, cung cấp nước và tiến hành các hoạt động đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

SỔ
CÔNG
CỐ PHẦN
CƠ ĐIỆN
LẠNH
TP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 30 tháng 06 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư của Công ty vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong công ty liên kết.

177
TY
IN
-ANI
CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo, nhóm công ty không thể áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu mà ghi nhận theo phương pháp vốn gốc cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết do hạn chế về việc cập nhật các thông tin tài chính từ các công ty liên kết. Tuy nhiên, công ty tin rằng tác động của việc điều chỉnh khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư này là không trọng yếu.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm lập báo cáo, nhóm công ty không thể áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu mà ghi nhận theo phương pháp vốn gốc cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh do hạn chế về việc cập nhật các thông tin tài chính từ các công ty liên doanh. Tuy nhiên, công ty tin rằng tác động của việc điều chỉnh khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư này là không trọng yếu.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi khoản dự phòng thích hợp. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư cho phần chênh lệch giá mua thực tế cao hơn thị giá vào thời điểm cuối kỳ báo cáo.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước - xuất trước.
Thành phẩm và sản phẩm dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm báo cáo. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 08 năm 2007.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Nhà xưởng và máy móc	7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

47
 TY
 AN
 LA
 HOI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuê tài sản

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê vẫn giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào tài sản cố định của Công ty trên bảng cân đối kế toán.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bao gồm chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua hoặc xây dựng bất động sản.

Khấu hao

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị phụ trợ	5 - 10 năm

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 1 năm với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Nhóm Công ty chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng HTKD)

Doanh thu được ghi nhận khi Hợp đồng HTKD công bố chia lợi nhuận cho các bên tham gia Hợp đồng HTKD.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các khoản đầu tư được bán. Thu nhập từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư và các khoản thu nhập này được ghi nhận khi cổ tức được công bố.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia phần lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại và được ghi nhận là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Chỉ tiêu này không áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Tiền mặt	470,394	1,057,284
Tiền gửi ngân hàng	90,870,613	48,438,835
Tiền đang chuyển	955,000	41,903,150
Các khoản tương đương tiền	250,322,400	153,010,650
TỔNG CỘNG	<u>342,618,407</u>	<u>244,409,919</u>

4. HÀNG TỒN KHO

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Hàng hóa tồn kho	41,029,045	28,777,403
Nguyên vật liệu tồn kho	191,248,433	52,363,523
Công cụ dụng cụ tồn kho	102,252	64,883
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	134,476,161	86,425,114
Hàng mua đang đi đường	71,439,135	81,680,776
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8,587,149)	(6,397,985)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>429,707,877</u>	<u>242,913,714</u>

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Tài sản ngắn hạn khác	4,035,256	3,073,180
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,226,765	9,982,561
TỔNG CỘNG	<u>10,262,021</u>	<u>13,055,741</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

DVT: ngàn VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số đầu năm	16,423,356	8,269,774	7,799,860	8,445,406	576,470	41,514,866
- Tăng trong kỳ		389,047	198,038	316,979		904,064
- Thanh lý trong kỳ			232,930	47,406		280,336
Số cuối kỳ	16,423,356	8,658,821	7,764,968	8,714,979	576,470	42,138,594
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	8,255,124	3,761,154	4,344,750	6,705,142	576,470	23,642,640
- Khấu hao trong kỳ	411,477	578,016	436,983	508,551	-	1,935,027
- Thanh lý trong kỳ			48,521	19,669		68,190
Số cuối kỳ	8,666,601	4,339,170	4,733,212	7,194,024	576,470	25,509,477
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>8,168,232</u>	<u>4,508,620</u>	<u>3,455,110</u>	<u>1,740,264</u>	-	<u>17,872,226</u>
Số cuối kỳ	<u>7,756,755</u>	<u>4,319,651</u>	<u>3,031,756</u>	<u>1,520,955</u>	-	<u>16,629,117</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

DVT: ngàn VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	11,592,038	4,256,355	15,848,393
Tăng trong kỳ	-	291,065	291,065
Số cuối kỳ	11,592,038	4,547,420	16,139,457
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	623,917	867,332	1,491,249
Khấu hao trong kỳ	162,288	428,789	591,077
Số cuối kỳ	786,205	1,296,121	2,082,326
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	<u>10,968,121</u>	<u>3,389,023</u>	<u>14,357,145</u>
Số cuối kỳ	<u>10,805,832</u>	<u>3,251,299</u>	<u>14,057,131</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Tòa nhà văn phòng tại số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4	69.501.255	53.324.110
Phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP	4.355.867	4.075.407
TỔNG CỘNG	<u>73,857,122</u>	<u>57,399,517</u>

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>DVT: ngàn VND</i>				
	<i>Nhà cửa & vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc & thiết bị</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	525,482,107	138,412,285	215,692	565,253	664,675,337
Số cuối kỳ	525,482,107	138,412,285	215,692	565,253	664,675,337
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	99,760,483	42,340,447	202,818	485,712	142,789,460
Khấu hao trong năm	11,693,757	7,542,830	980	62,518	19,300,085
Số cuối kỳ	111,454,240	49,883,277	203,798	548,230	162,089,545
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	<u>425,721,624</u>	<u>96,071,839</u>	<u>12,874</u>	<u>79,541</u>	<u>521,885,878</u>
Số cuối kỳ	<u>414,027,867</u>	<u>88,529,008</u>	<u>11,894</u>	<u>17,022</u>	<u>502,585,791</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Đầu tư ngắn hạn		
Chứng khoán giao dịch	427,927,222	384,486,486
Tiền gửi cố kỳ hạn trên 3 tháng	141,547,000	73,700,000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(142,231,045)	(132,802,732)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	<u>427,243,177</u>	<u>325,383,754</u>
Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào các công ty liên kết và các công ty đồng kiểm soát (<i>thuyết minh 10.1</i>)	250,287,434	216,974,461
Đầu tư dài hạn khác	1,296,197,282	1,313,978,793
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(163,986,373)	(174,034,457)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	<u>1,382,498,343</u>	<u>1,356,918,797</u>
TỔNG CỘNG	<u>1,809,741,521</u>	<u>1,682,302,551</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

10.1 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát

Tên công ty	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (ngàn VND)	Giá trị đầu tư (ngàn VND)	Hoạt động kinh doanh
Công ty liên kết				
Công ty CP Điện Lực R.E.E	30	7.815,990	7.815,990	Điện lực
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	20	134,217,520	134,217,520	Ngành nước
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Măng Cành	40	5,000,000	5,000,000	Khai thác quặng
Công ty CP Nhiệt Điện Vũng Áng II	21.17	30.648,300	28,953,000	Điện lực
Công ty Đầu Tư Hạ Tầng BĐS Việt Nam	34.94	34,937,500	32,000,000	Bất động sản
Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn	22.78	27,229,230	-	Bất động sản
Công ty CP Khu Công Nghiệp Hải Phòng	20	2,000,000	2,000,000	Khu công nghiệp
Công ty CP Cơ Điện Đoàn Nhất	35	3,150,000	1,575,000	Cơ điện
Công ty CP Hap REE	50	1,500,000	1,500,000	Hạ tầng khu công nghiệp
Công ty CP Cơ Điện Chất Lượng	36	1,068,612	1,068,612	Cơ điện
Công ty CP Cơ Điện Minh Thành	35	1,050,000	1,050,000	Cơ điện
Công ty CP Cơ Điện Hợp Phát	35	1,050,000	1,050,000	Cơ điện
Công ty đồng kiểm soát				
Liên Doanh 41B Lý Thái Tổ – Hà Nội	40	620,282	744,339	Bất động sản
TỔNG CỘNG		250,287,434	216,974,461	

10.2 Đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	100	TP.HCM – Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng
Trans Orient Pte Ltd.	100	Singapore	Kinh doanh và hậu cần
Công ty CP Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	99.99	TP.HCM – Việt Nam	Cơ điện
Công ty CP Điện Máy R.E.E	99.99	TP.HCM – Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Vĩnh Thịnh	97.11	TP.HCM – Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Bất Động Sản R.E.E	90.00	TP.HCM – Việt Nam	Bất động sản
Công ty CP Quản Lý Quỹ RNG	68.70	TP.HCM – Việt Nam	Quản lý quỹ

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	DVT: ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn	91,916,830	139,459,784
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	3,927,816	9,018,209
TỔNG CỘNG	95,844,646	148,477,993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72,442,120	46,470,689
Thuế giá trị gia tăng	(2,877,582)	5,451,118
Thuế tiêu thụ đặc biệt	54,007	327,291
Thuế xuất, nhập khẩu	1,515,710	532,552
Thuế thu nhập cá nhân	45,740	210,887
Các loại phí và thuế khác	-	261,268
TỔNG CỘNG	<u>71,179,995</u>	<u>53,253,805</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn	1,075,226	704,142
Nhận ký quỹ, ký cược	5,762,149	584,160
Các khoản phải trả, phải nộp khác	78,255,358	46,493,840
TỔNG CỘNG	<u>85,092,733</u>	<u>47,782,142</u>

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Vay dài hạn	27,591,914	22,666,870
TỔNG CỘNG	<u>27,591,914</u>	<u>22,666,870</u>

15. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	20,929	16,643,981
TỔNG CỘNG	<u>20,929</u>	<u>16,643,981</u>

Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 01 năm 2010 về việc chi trả dứt điểm trợ cấp thôi việc cho cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh và các công ty thành viên, trong quý I/2010 Công ty đã thực hiện chi trả trợ cấp thôi việc số tiền 16,623,052 ngàn đồng từ nguồn trợ cấp thôi việc đã trích lập dự phòng tới thời điểm ngày 31/12/2009.

Hàng năm kiểm tra

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LANH

B09-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

		ĐVT: ngàn VND						
	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Năm trước								
Số đầu năm	810,431,310	1,315,439,887	(28,913)		70,417,784	46,095,899	(155,188,276)	
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-		-	-	432,198,646	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	15,702	-	-	-	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(56,702,161)	
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	2,432,698	(2,913,549)	
Số cuối kỳ	810,431,310	1,315,439,887	(28,913)	15,702	70,417,784	48,528,597	217,367,558	
Năm nay								
Số đầu năm	810,431,310	1,315,439,887	(28,913)	15,702	70,417,784	48,528,597	217,367,558	
Tăng vốn do:								
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	162,083,600						(162,083,600)	
- Phát hành cổ phiếu thưởng	810,417,980	(810,417,980)					-	
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-		-	-	158,741,637	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	49,600	-	-	-	
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	9,689,321	(30,614,405)	
Số cuối kỳ	1,782,932,880	505,021,907	(28,913)	65,302	70,417,784	58,217,918	183,411,190	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trong kỳ công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5:1 từ nguồn lợi nhuận sau thuế phát sinh của năm 2009 và phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 1:1 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 31/03/2010.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Quý II năm 2010</i>	<i>Quý II năm 2009</i>
Tổng doanh thu	388,561,834	330,931,520
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	169,017,347	103,904,592
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan)</i>	82,641,562	76,700,744
<i>Doanh thu từ dịch vụ cung cấp & lắp đặt</i>	136,811,258	150,195,321
<i>Doanh thu từ quản lý quỹ</i>	91,667	130,863
Các khoản giảm trừ doanh thu	(403,679)	(1,855,923)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(403,679)	(1,855,923)
Doanh thu thuần	<u>388,158,155</u>	<u>329,075,597</u>

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Quý II năm 2010</i>	<i>Quý II năm 2009</i>
Lãi tiền gửi	9,434,638	16,308,454
Cổ tức lợi nhuận được chia	8,989,457	24,291,281
Lãi từ bán, thanh lý các khoản đầu tư	1,689,439	4,567,879
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	978,940	49,262
TỔNG CỘNG	<u>21,092,474</u>	<u>45,216,876</u>

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Quý II năm 2010</i>	<i>Quý II năm 2009</i>
Lãi tiền vay	1,173,202	1,556,183
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2,120,565	371,271
Lỗ do bán các khoản đầu tư	1,446,361	72,012,970
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	671,768	(177,259,079)
Chi phí tài chính khác	1,140,309	333,426
TỔNG CỘNG	<u>6,552,205</u>	<u>(102,985,229)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

19. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Quý II năm 2010</i>	<i>Quý II năm 2009</i>
Thu nhập khác	1,834,031	2,342,342
Thu thanh lý tài sản	267,136	2,537
Thu nhập khác	1,566,895	2,339,805
Chi phí khác	196,346	-

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, trừ thu nhập cố tức được miễn thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>DVT: ngàn VND</i>	
	<i>Quý II năm 2010</i>	<i>Quý II năm 2009</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	25,361,946	24,980,602
TỔNG CỘNG	<u>25,361,946</u>	<u>24,980,602</u>

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm ba bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

Dịch vụ cung cấp thiết bị và lắp đặt

Thương mại

Cho thuê bất động sản

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý II năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả bộ phận Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 như sau:

DVT: ngàn VND

	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Thương mại	Cho thuê bất động sản	Quản lý quỹ	Hợp nhất
<i>Doanh thu</i>					
Tổng doanh thu của bộ phận	256,006,119	259,784,246	93,697,895	131,625	609,619,885
Doanh thu giữa các bộ phận	(119,194,861)	(91,170,578)	(11,056,333)	(39,959)	(221,461,731)
TỔNG CỘNG	<u>136,811,258</u>	<u>168,613,668</u>	<u>82,641,562</u>	<u>91,666</u>	<u>388,158,154</u>
<i>Kết quả bộ phận</i>					
Kết quả hoạt động kinh doanh	16,176,141	15,121,655	50,867,767	(808,430)	81,357,133
Thu nhập tài chính					21,092,474
Chi phí tài chính					(6,552,205)
Thu nhập khác					1,834,031
Chi phí khác					(196,346)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(25,361,946)
Lợi ích cổ đông thiểu số					413,419
Tổng lợi nhuận sau thuế					<u>72,586,560</u>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 như sau:

DVT: ngàn VND

	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Thương mại	Cho thuê bất động sản	Quản lý quỹ	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	874,287,009	430,397,626	604,882,991	28,256,302	1,937,823,928
Các khoản đầu tư					1,841,249,631
Tài sản không phân bổ					76,322,120
TỔNG TÀI SẢN					3,855,395,679
Nợ của bộ phận	676,000,405	329,486,002	114,092,301	(103,104)	1,119,475,604
Nợ không phân bổ					105,159,998
TỔNG NỢ					<u>1,224,635,602</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý II năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả bộ phận Quý II năm 2009 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009 như sau:

ĐVT: Ngàn VND

	<i>Dịch vụ cung cấp lắp đặt</i>	<i>Thương mại</i>	<i>Cho thuê bất động sản</i>	<i>Quản lý quỹ</i>	<i>Hợp nhất</i>
<i>Doanh thu</i>					
Tổng doanh thu của bộ phận	154,332,412	127,493,468	85,408,714	728,140	367,962,734
Doanh thu giữa các bộ phận	(4,137,091)	(25,444,799)	(8,707,970)	(597,277)	(38,887,137)
TỔNG CỘNG	<u>150,195,321</u>	<u>102,048,669</u>	<u>76,700,744</u>	<u>130,863</u>	<u>329,075,597</u>
<i>Kết quả bộ phận</i>					
Kết quả hoạt động kinh doanh	18,533,429	13,322,197	40,973,318	(7,596,649)	65,232,295
Thu nhập tài chính					45,216,876
Chi phí tài chính					102,985,229
Thu nhập khác					2,342,342
Thuế TNDN					(24,980,602)
Lợi ích cổ đông thiểu số					94,633
Tổng lợi nhuận sau thuế					<u>190,890,773</u>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

ĐVT: Ngàn VND

	<i>Dịch vụ cung cấp lắp đặt</i>	<i>Thương mại</i>	<i>Cho thuê bất động sản</i>	<i>Quản lý quỹ</i>	<i>Hợp nhất</i>
<i>Tài sản của bộ phận</i>					
Tài sản của bộ phận	583,854,693	274,726,286	608,417,594	31,516,897	1,498,515,470
Các khoản đầu tư					1,667,959,214
Tài sản không phân bổ					215,471,595
TỔNG TÀI SẢN					3,381,946,279
<i>Nợ của bộ phận</i>					
Nợ của bộ phận	540,635,570	164,661,843	103,698,744	63,509	809,059,666
Nợ không phân bổ					84,782,594
TỔNG NỢ					<u>893,842,260</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý II năm 2010 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

22. CÁC SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính năm này.

23. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 và Quý II năm 2010 kết thúc cùng ngày đã được Ban Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 05 tháng 08 năm 2010.



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng
Ngày 05 tháng 08 năm 2010



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám Đốc

